

Số: 148 /CĐSPND

V/v Báo cáo các nội dung thực hiện các qui chế công khai đối với trường CĐSP Nam Định theo qui định tại Thông tư 36/2017/TT - BGDĐT

Nam Định, ngày 28 tháng 6 năm 2022

**Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định;  
Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Theo quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo),

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định kính gửi quý cơ quan các biểu mẫu báo cáo công khai của nhà trường gồm có:

Công khai cam kết chất lượng đào tạo năm học 2021 – 2022 theo biểu mẫu 17;

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế giáo dục cao đẳng năm học 2021 - 2022 theo biểu mẫu 18;

Công khai cơ sở vật chất của trường năm học 2021 – 2022 theo biểu mẫu 19;

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường năm học 2021 – 2022 theo biểu mẫu 20;

Công khai tài chính của trường năm học 2021 - 2022 theo biểu mẫu 21.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: 6  
- Như kính gửi  
- Lưu: VT, KT-KĐCLGD

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hiền

SỞ GD-ĐT NAM ĐỊNH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2021-2022**

TT	Nội dung	Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp SP chính quy	
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi tuyển sinh: Cả nước;</li> <li>- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT;</li> <li>- Có kết quả thi THPT 2021 hoặc điểm môn học học bạ lớp 12;</li> <li>- Thi tuyển môn năng khiếu đối với tổ hợp môn có môn năng khiếu.</li> </ul>		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>I. Ngành GD Mầm non</b> <b>* Về kiến thức, kỹ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu biết khoa học về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về các văn bản hiện hành về quản lý, điều hành giáo dục đào tạo, về lĩnh vực rèn luyện thể chất, về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng và Nhà nước; nắm vững nhiệm vụ, nội dung, nguyên tắc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.</li> <li>- Có những kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm lý, sinh lý trẻ lứa tuổi mầm non; giáo dục hoà nhập; hiểu biết mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non; kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ.</li> <li>- Kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non bao gồm hiểu biết về an toàn, phòng tránh và xử lý ban đầu các tai nạn thường gặp ở trẻ; kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ; hiểu biết về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ; kiến thức về một số bệnh thường gặp ở trẻ, cách phòng bệnh và xử lý ban đầu.</li> <li>- Kiến thức cơ sở chuyên ngành bao gồm kiến thức</li> </ul>		

về phát triển thể chất; kiến thức về hoạt động vui chơi; kiến thức về tạo hình, âm nhạc và văn học; kiến thức môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và phát triển ngôn ngữ.

- Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non bao gồm kiến thức về phương pháp giáo dục thể chất; kiến thức về tổ chức hoạt động vui chơi; kiến thức về phương pháp làm quen với Toán; kiến thức về tổ chức hoạt động tạo hình, âm nhạc, phương pháp làm quen với Văn học; kiến thức về phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh, phương pháp phát triển ngôn ngữ.

- Có kiến thức thực tế giáo dục; tổ chức được các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các ngày lễ hội ở trường mầm non.

- Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và nghiên cứu chuyên ngành. Bước đầu sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu tài liệu.

#### **\* Về năng lực nghề nghiệp**

- *Năng lực chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ:* bao gồm lập kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ theo năm học, tháng, tuần; thể hiện mục tiêu và nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ của lớp mình phụ trách; lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ; tổ chức bữa ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ; hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ; phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ; lên thực đơn đúng khẩu phần ăn theo độ tuổi, đảm bảo cân đối và hợp lí, phù hợp theo mùa, thường xuyên thay đổi; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; tổ chức vệ sinh trước và sau khi ăn cho trẻ; tổ chức bữa ăn cho trẻ theo đúng qui trình phù hợp lứa tuổi; tổ chức thực hiện nấu ăn theo qui trình bếp ăn một chiều; giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ.

- *Năng lực quản lý nhóm, lớp:* bao gồm xây dựng kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; đảm bảo an toàn cho trẻ; sắp xếp, bảo quản đồ dùng, đồ chơi, sản phẩm

của trẻ phù hợp với mục đích chăm sóc, giáo dục; vệ sinh đồ dùng, đồ chơi và vật dụng phục vụ việc vui chơi, học tập và ăn uống, sinh hoạt hàng ngày của trẻ; quản lí trẻ trong các hoạt động hàng ngày; xử lí các tình huống nảy sinh trong nhóm, lớp; xây dựng hồ sơ cá nhân, nhóm, lớp theo quy định; quản lí và sử dụng có hiệu quả hồ sơ, sổ sách cá nhân, nhóm, lớp; ghi chép tình hình của trẻ vào sổ theo dõi.

- *Năng lực dạy học, giáo dục trẻ*: bao gồm lập kế hoạch giáo dục trẻ theo năm học, tháng, tuần thể hiện mục tiêu và nội dung giáo dục trẻ của lớp mình phụ trách; lập kế hoạch hoạt động một ngày theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực của trẻ; lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu GD trẻ; tổ chức các hoạt động GD trẻ theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ; tổ chức môi trường GD phù hợp với điều kiện của nhóm, lớp; làm đồ dùng, đồ chơi và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi và các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ; quan sát, đánh giá trẻ và có phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp; lập kế hoạch dạy học từng chủ đề theo đúng chương trình dành cho độ tuổi; soạn giáo án; tổ chức thực hiện hướng dẫn trẻ theo từng chủ đề; lập kế hoạch và tổ chức hướng dẫn trẻ hoạt động góc theo chủ đề; lập kế hoạch và tổ chức hướng dẫn trẻ hoạt động ngoài trời; đánh giá trẻ theo thang đánh giá dựa vào bộ chuẩn đánh giá; đánh giá trẻ cuối chủ đề, cuối năm theo chuẩn quy định; đánh giá trẻ qua quan sát và ghi chép hàng ngày.

**\* Năng lực khác**

- *Năng lực hoạt động xã hội*: bao gồm làm công tác xã hội hóa giáo dục; tham gia và tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao của lớp, trường, ngành, địa phương; làm công tác phổ cập trẻ 5 tuổi trên địa bàn dân cư; làm công tác tuyên truyền với các bậc phụ huynh và những người nuôi dưỡng trẻ, quan tâm tới trẻ về chủ trương, đường lối của nhà trường, ngành và kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ; làm công tác giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường MN và tại khu dân

cur.

- *Năng lực phát triển cá nhân*: bao gồm năng lực tự học; NL nghiên cứu khoa học; NL hợp tác; NL giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

\* *Trình độ ngoại ngữ*: Tiếng Anh A2.

## 2. Ngành GD Tiểu học

\* *Về kiến thức, kỹ năng*

- Hiểu biết khoa học về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về các văn bản hiện hành về quản lý, điều hành giáo dục đào tạo, về lĩnh vực rèn luyện thể chất, về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng và Nhà nước; nắm vững nhiệm vụ, nội dung, nguyên tắc dạy học, giáo dục ở trường tiểu học; nắm rõ các kiến thức về tâm lý con người nói chung và lứa tuổi tiểu học nói riêng, phương pháp dạy học các bộ môn ở tiểu học; có kỹ năng làm giáo viên chủ nhiệm, làm công tác Đội và sao Nhi đồng.

- Hiểu biết đầy đủ về bậc học Tiểu học (TH) trong hệ thống giáo dục Quốc dân, về chương trình Giáo dục Tiểu học (vị trí, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung dạy học và chuẩn kiến thức kỹ năng ở các khối lớp, nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học và giáo dục ở Tiểu học, phương pháp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện đối với HS tiểu học) làm cơ sở để dạy được các môn học ở Tiểu học.

- Nắm vững và biết cách vận dụng kiến thức về: ngôn ngữ học, tiếng Việt, văn học, toán học, tự nhiên, xã hội, môi trường, đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục sức khỏe...; có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ; kỹ năng tính toán, mô tả, thống kê; kỹ năng tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội; kỹ năng tư duy logic, kỹ năng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cho học sinh... làm cơ sở để dạy được các môn học bắt buộc ở Tiểu học (Tiếng Việt, Toán, Giáo dục lối sống, Cuộc sống quanh ta, Tìm hiểu Tự nhiên, Tìm hiểu Xã hội, Thể dục).

- Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản về âm nhạc, mỹ thuật, kỹ thuật, thủ công, kỹ năng

sống... đồng thời thể hiện được một số năng khiếu nghệ thuật và có kỹ năng thực hành kỹ thuật làm cơ sở để có thể dạy được các môn học tự chọn ở Tiểu học (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể thao, Kỹ thuật, Kỹ năng sống...).

- Có kiến thức thực tế về giáo dục Tiểu học; tổ chức được các hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học.

- Có kiến thức cơ bản về tin học, tiếng Anh; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng tiếng Anh trong nghiên cứu tài liệu chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học và giáo dục ở Tiểu học hiện nay.

#### **\* Về năng lực**

- *Năng lực khoa học chuyên ngành*

+ Năng lực tích lũy và vận dụng được các kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến dạy học và giáo dục ở Tiểu học; cập nhật kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại để đáp ứng nhiệm vụ dạy học và giáo dục học sinh ở Tiểu học.

+ Năng lực tư duy sáng tạo trong giáo dục, dạy học và nghiên cứu chương trình các môn học ở Tiểu học.

+ Năng lực tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục.

- *Năng lực sư phạm*

+ *Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục*: Có phương pháp tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về đặc điểm, tình hình của học sinh; về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương; xác định được sự ảnh hưởng của môi trường tự nhiên, xã hội xung quanh đối với quá trình dạy học và giáo dục; sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục.

+ *Năng lực dạy học*:

Lập được các kế hoạch dạy học (kế hoạch năm học, học kì, tháng, tuần) theo chương trình môn học và thực hiện được kế hoạch dạy học; xây dựng, quản lý và sử dụng được hồ sơ dạy học.

Thiết kế giáo án và thực hiện được bài giảng của các môn học trong chương trình Tiểu học theo yêu cầu của thực tế dạy học ở Tiểu học hiện nay.

Thực hiện được việc kiểm tra, đánh giá kết quả

học tập học các môn học của học sinh tiểu học theo quy định hiện hành.

+ *Năng lực giáo dục:*

Lập được kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh; vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào việc thực hiện kế hoạch đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả với đối tượng và môi trường giáo dục.

Làm được công tác chủ nhiệm lớp (quản lí, điều hành được học sinh; xây dựng lớp thành tập thể đoàn kết, biết tự quản; có khả năng giáo dục học sinh cá biệt).

Thực hiện được việc đánh giá học sinh thông qua hoạt động giáo dục (thiết kế các công cụ đánh giá kết quả giáo dục, sử dụng các phần mềm hỗ trợ đánh giá); xây dựng, quản lí và sử dụng hiệu quả hồ sơ giáo dục.

+ *Năng lực giao tiếp:* thiết lập được mối quan hệ giữa bản thân với các nhân tố liên quan đến quá trình dạy học và giáo dục học sinh; sử dụng thành thạo ngôn ngữ kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ để thực hiện được mục đích giao tiếp đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả với đối tượng giao tiếp trong từng tình huống giao tiếp cụ thể; làm chủ được bản thân, có kĩ năng thương thuyết, hợp tác, chia sẻ... để giải quyết được các vấn đề xảy ra trong quá trình giao tiếp.

+ *Năng lực hoạt động xã hội:* Phối hợp được với các lực lượng giáo dục trong việc hỗ trợ, giám sát học sinh học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội trong và ngoài trường; huy động các nguồn lực trong cộng đồng thực hiện xã hội hóa giáo dục, phát triển nhà trường, xây dựng xã hội học tập; tổ chức được một số hoạt động xã hội phù hợp cho học sinh.

+ *Năng lực phát triển cá nhân, phát triển nghề nghiệp:* xác định đúng giá trị bản thân; có khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của xã hội, của môi trường giáo dục và chương trình đào tạo; tích cực tự học, tự rèn luyện về phẩm chất và chuyên môn nghiệp vụ; thường xuyên cập nhật kiến thức, kĩ năng mới; biết phát hiện và giải quyết được vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học và

giáo dục; có khả năng nhận xét, đánh giá và phát triển chương trình môn học đáp ứng những yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông.

\* *Trình độ ngoại ngữ*: Tiếng Anh A2.

### **3. Ngành Sư phạm Tiếng Anh**

#### **\* Về kiến thức, kỹ năng**

- Hiểu biết khoa học về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về các văn bản hiện hành về quản lý, điều hành giáo dục đào tạo, về lĩnh vực rèn luyện thể chất, về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng và Nhà nước; nắm vững nhiệm vụ, nội dung, nguyên tắc dạy học, giáo dục ở trường THCS; nắm rõ các kiến thức về tâm lý con người nói chung và lứa tuổi THCS nói riêng, phương pháp dạy học bộ môn; có kỹ năng làm giáo viên chủ nhiệm, làm công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh.

- Nắm vững những kiến thức cơ bản của tiếng Anh như là một hệ thống, bao gồm các tri thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu ngoại ngữ và phát triển chuyên môn, nghề nghiệp sau này.

- Hình thành và phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Anh nhằm đảm bảo đúng mục đích của việc sử dụng ngôn ngữ như là một phương tiện giao tiếp trong các tình huống xã hội hàng ngày.

- Hiểu rõ về khung chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học môn Tiếng Anh ở bậc THCS.

- Có kiến thức thực tế về giáo dục bậc THCS, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh THCS.

- Có hiểu biết cơ bản về CNTT và ứng dụng những phần mềm tiện ích vào việc học tập và giảng dạy Tiếng Anh.

- Có hiểu biết và sử dụng ngoại ngữ 2 trong giao tiếp ở mức độ cơ bản.

#### **\* Về năng lực**

- *Năng lực dạy học Tiếng Anh*:

+ Năng lực lập kế hoạch dạy học: xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học, chiến lược dạy học và các kỹ thuật dạy học đa



dạng, phù hợp, khai thác tài liệu, soạn giáo án và thiết kế bài giảng;

+ Năng lực tổ chức các hoạt động dạy học: vận dụng các phương pháp và phương tiện dạy học phù hợp, tổ chức các hoạt động dạy học, truyền đạt, hướng dẫn sinh viên thực hiện các hoạt động học có chủ đích, xây dựng môi trường học tập tích cực;

+ Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh: thiết kế, xây dựng các bài tập ứng dụng, các bài kiểm tra, bài thi, biết nhận xét và phản hồi kết quả học tập cho học sinh và biết sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy và học;

+ Năng lực sử dụng CNTT trong dạy học Tiếng Anh: có khả năng sử dụng một số phần mềm ứng dụng căn bản: MS.Word, Excel, Powerpoint, có khả năng khai thác mạng Internet để tìm kiếm nguồn học liệu có liên quan phục vụ cho công tác giảng dạy.

- *Năng lực giáo dục*

+ Năng lực hiểu biết về người học ngôn ngữ: hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức, tâm sinh lý của học sinh để điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp, hiểu biết về đặc điểm phát triển ngôn ngữ của học sinh theo từng giai đoạn để điều chỉnh hoạt động dạy học cho phù hợp với học sinh;

+ Năng lực xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục: biết xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế và thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường;

+ Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục: Tổ chức các hoạt động giáo dục qua nhiều hình thức như giáo dục qua môn học, giáo dục qua các hoạt động giáo dục, qua các hoạt động cộng đồng; vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống sư phạm cụ thể, phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra;

+ Năng lực đánh giá hoạt động giáo dục: lựa chọn các hình thức đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức

của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh; biết sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh nội dung, phương pháp giáo dục;

+ Năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo: các hoạt động giáo dục học sinh được thực hiện thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo phù hợp với lứa tuổi và khả năng nhận thức của học sinh, góp phần hình thành, nuôi dưỡng tư tưởng, tình cảm, thái độ, kĩ năng sống cho học sinh.

- *Năng lực chuyên môn*

+ Năng lực tiếng: được thể hiện ở các năng lực nghe, nói, đọc, viết ở bậc 4 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung châu Âu);

+ Có kiến thức và vận dụng kiến thức ngôn ngữ Tiếng Anh: nắm vững về hệ thống kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh và biết vận dụng kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp vào việc dạy học Tiếng Anh ở bậc THCS;

+ Có kiến thức và vận dụng kiến thức văn hóa các nước nói Tiếng Anh: hiểu biết về văn hóa các nước nói Tiếng Anh như kiến thức về địa lý, lịch sử, con người, văn hóa, thể chế chính trị, hệ thống giáo dục, kinh tế...; có khả năng so sánh, đối chiếu với văn hóa Việt Nam; biết vận dụng các kiến thức văn hóa vào việc dạy học Tiếng Anh ở bậc THCS;

+ Có kiến thức và khả năng áp dụng kiến thức về việc học Tiếng Anh: hiểu biết về quá trình tiếp nhận và sản sinh ngôn ngữ; nắm được những thuận lợi và khó khăn của người Việt khi học Tiếng Anh và vận dụng kiến thức về việc học tiếng Anh trong dạy học Tiếng Anh ở bậc THCS.

+ Có khả năng tự đánh giá công việc dạy học Tiếng Anh của bản thân: nắm vững quá trình tự đánh giá và có thể tự điều chỉnh công việc dạy học cho phù hợp với thực tiễn.

- *Các năng lực khác*

+ Năng lực hoạt động xã hội: thiết lập các mối quan hệ xã hội, tham gia các hoạt động xã hội, tổ chức các hoạt động xã hội;

+ Năng lực phát triển cá nhân và phát triển nghề

nghiệp: xác định giá trị bản thân, tự học, tự nghiên cứu, học tập suốt đời, hỗ trợ, hợp tác, cộng tác, nghiên cứu khoa học, phát triển môn học.

+ Năng lực tư vấn và hỗ trợ các giáo viên chuyên ngành khác dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh.

\* *Trình độ ngoại ngữ*: Tiếng Trung.

#### **4. Ngành SP Ngữ văn (Văn - GDCD)**

\* *Về kiến thức, kỹ năng*

- Hiểu biết khoa học về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về các văn bản hiện hành về quản lý, điều hành giáo dục đào tạo, về lĩnh vực rèn luyện thể chất, về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng và Nhà nước; nắm vững nhiệm vụ, nội dung, nguyên tắc dạy học, giáo dục ở trường THCS; nắm rõ các kiến thức về tâm lý con người nói chung và lứa tuổi THCS nói riêng, phương pháp dạy học bộ môn; có kỹ năng làm giáo viên chủ nhiệm, làm công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh.

- Nắm vững kiến thức về tiếng Việt (nguồn gốc, đặc trưng, các đơn vị ngôn ngữ, phong cách ngôn ngữ) và quy tắc, cách thức sử dụng tiếng Việt hiệu quả; kiến thức về tiếp nhận và tạo lập văn bản; lý thuyết làm văn trong nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy học phân môn Tiếng Việt và Tập làm văn ở THCS.

- Nắm vững kiến thức Lý luận văn học, Đọc văn; hiểu biết có tính hệ thống về Văn học Việt Nam, Văn học thế giới từ văn học dân gian đến văn học viết theo tiến trình văn học; nắm vững diện mạo, đặc điểm, quá trình phát triển, các xu hướng, thể loại văn học, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Đánh giá được các tác giả, các hiện tượng văn học; tổng hợp, đánh giá, lý giải quy luật phát triển của văn học, đảm bảo có thể dạy tốt phân môn Đọc hiểu văn bản ở THCS.

- Nắm vững kiến thức về Đạo đức, Pháp luật, Mỹ học, Văn hóa học; nhận thức và đánh giá được các vấn đề lớn của thời đại; vận dụng, thực hành được các kiến thức về giáo dục thẩm mỹ, giáo dục gia đình, giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo

dục qua di sản, giáo dục nếp sống văn hoá... cho học sinh làm cơ sở để dạy tốt môn GDCD ở THCS.

- Nắm vững mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy học môn Ngữ văn và GDCD ở THCS.

- Có kiến thức thực tế giáo dục; tổ chức được các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh THCS.

- Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và nghiên cứu chuyên ngành. Bước đầu sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu tài liệu.

**\* Về năng lực nghề nghiệp**

- Các năng lực chuyên ngành

+ Năng lực vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng Ngữ văn và GDCD cơ bản; cập nhật kiến thức, kỹ năng Ngữ văn, GDCD hiện đại đáp ứng nhiệm vụ dạy học của người giáo viên Ngữ văn và GDCD ở THCS.

+ Năng lực cảm thụ, truyền và kích thích xúc cảm nghệ thuật (hứng thú thẩm mỹ) ở người học.

+ Năng lực hình thành và phát triển những giá trị nhân văn từ tác phẩm văn học nghệ thuật, từ những bài học cuộc sống vào thực tiễn nhà trường và đời sống xã hội.

+ Năng lực tư duy sáng tạo trong dạy học và nghiên cứu Ngữ văn, GDCD.

+ Năng lực thích ứng linh hoạt với sự biến đổi của chương trình đào tạo, môi trường dạy học, nghiên cứu Ngữ văn, GDCD, môi trường giáo dục và xã hội.

- Các năng lực sư phạm

+ Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục: Có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh, về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương; sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục.

+ Năng lực dạy học: Biết tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn, GDCD theo kế hoạch chuyên môn của cá nhân đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông và những yêu cầu của nhà trường. Có năng

lực nhận xét, đánh giá và phát triển chương trình Ngữ văn, GDCD; đánh giá kết học tập Ngữ văn, GDCD; xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ dạy học.

+ Năng lực giáo dục: Biết xây dựng, tổ chức kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra. Có năng lực chủ nhiệm lớp, năng lực giáo dục qua môn học, qua các hoạt động giáo dục trong và ngoài trường; năng lực đánh giá các hoạt động giáo dục; năng lực tư vấn, tham vấn cho học sinh; năng lực quản lý và sử dụng hồ sơ giáo dục.

+ Năng lực hoạt động xã hội: Có năng lực phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường; năng lực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.

+ Năng lực phát triển nghề nghiệp: Năng lực tự học tự bồi dưỡng về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu của giáo dục phổ thông.

+ Năng lực giao tiếp: Phối hợp và sử dụng được các phương tiện, nguyên tắc và kỹ thuật giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với từng tình huống; làm chủ được cảm xúc của bản thân, giải quyết xung đột, biết thuyết phục và chia sẻ.

\* *Trình độ ngoại ngữ*: Tiếng Anh A2.

## **5. Ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý**

### **\* Về kiến thức, kỹ năng**

- Hiểu biết khoa học về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; có kiến thức về các văn bản hiện hành quản lý, điều hành giáo dục đào tạo, về lĩnh vực rèn luyện thể chất, về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng và Nhà nước; nắm vững nhiệm vụ, nội dung, nguyên tắc dạy học, giáo dục ở trường

THCS; nắm rõ các kiến thức về tâm lí con người nói chung và lứa tuổi THCS nói riêng, phương pháp dạy học bộ môn; có kĩ năng làm giáo viên chủ nhiệm, làm công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh.

- Nắm vững kiến thức về Lịch sử Việt Nam (ghi nhớ và hiểu bản chất sự phát triển kế tiếp của các triều đại, các thời đại của lịch sử; quá trình ra đời và sự hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu về kinh tế, xã hội, văn hóa; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ), Lịch sử thế giới (nắm được sự phân kỳ lịch sử nhân loại, nhận thức và nắm vững tri thức lịch sử thế giới cổ trung đại, cận đại và hiện đại, vận dụng được những tri thức lịch sử để lí giải những vấn đề nổi bật trong lịch sử thế giới qua các thời đại...) đáp ứng yêu cầu dạy học môn Lịch sử ở THCS theo định hướng tích hợp.

- Nắm vững kiến thức về Địa lí đại cương (Địa lí tự nhiên đại cương, Địa lí kinh tế - xã hội đại cương), Địa lí thế giới (Địa lí các châu lục, Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế - xã hội, Địa lí Đông Nam Á...), Địa lí Việt Nam (Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế - xã hội, môi trường, biển và đảo Việt Nam) và Địa lí địa phương đáp ứng yêu cầu dạy học môn Địa lí ở THCS theo định hướng tích hợp.

- Nắm vững mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở THCS.

- Có kiến thức thực tế giáo dục; tổ chức được các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh THCS.

- Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và nghiên cứu chuyên ngành. Bước đầu sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu tài liệu.

**\* Về năng lực nghề nghiệp**

- Các năng lực chuyên ngành

+ Năng lực hình thành và phát triển những giá trị nhân văn từ truyền thống lịch sử dân tộc, từ những bài học cuộc sống vào thực tiễn nhà trường và đời sống xã hội.

+ Năng lực chuyên môn Lịch sử cơ bản: năng lực

nhận thức các sự kiện lịch sử; năng lực sử dụng tư liệu lịch sử; năng lực tạo biểu tượng, hình thành khái niệm, rút ra bài học và quy luật lịch sử.

+ Năng lực chuyên môn Địa lí cơ bản: năng lực phân tích các thuộc tính không gian và mối liên hệ không gian giữa các sự vật, hiện tượng; năng lực vận dụng kiến thức lí thuyết để giải thích các hiện tượng Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế - xã hội.

+ Năng lực thích ứng linh hoạt với sự biến đổi của chương trình, môi trường dạy học, nghiên cứu môn Lịch sử và Địa lí.

+ Năng lực tích hợp Lịch sử và Địa lí: năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; năng lực sử dụng bản đồ, lược đồ; năng lực nghiên cứu và dạy học ở thực địa; năng lực tổ chức các hoạt động triair nghiệm.

- *Các năng lực sư phạm:*

+ Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục: Có phương pháp thu thập và xử lí thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh, về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương; sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục.

+ Năng lực dạy học: Biết tổ chức các hoạt động dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo kế hoạch chuyên môn của cá nhân đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông và những yêu cầu của nhà trường. Có năng lực nhận xét, đánh giá và phát triển chương trình; đánh giá kết quả học tập của học sinh; xây dựng, quản lí và sử dụng hồ sơ dạy học.

+ Năng lực giáo dục: Biết xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra. Có năng lực chủ nhiệm lớp, năng lực giáo dục qua môn học, qua các hoạt động giáo dục trong và ngoài trường; năng lực đánh giá các hoạt động giáo dục; năng lực tư vấn, tham vấn cho học sinh; năng lực quản lí và sử dụng hồ sơ giáo dục.

+ Năng lực hoạt động xã hội: Có năng lực phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong

cộng đồng phát triển nhà trường; năng lực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.

+ Năng lực phát triển nghề nghiệp: Năng lực tự học, tự bồi dưỡng về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu của giáo dục phổ thông.

+ Năng lực giao tiếp: Phối hợp và sử dụng được các phương tiện, nguyên tắc và kỹ thuật giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với từng tình huống; làm chủ được cảm xúc của bản thân, giải quyết xung đột, biết thuyết phục và chia sẻ.

\* **Trình độ ngoại ngữ:** Tiếng Anh A2.

#### **6. Ngành Sư phạm Âm nhạc**

\* **Kiến thức:**

- Sinh viên được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên ngành trên hai mặt: lý thuyết và thực hành âm nhạc.

- Sinh viên được trang bị đầy đủ những kiến thức: lý luận - thực tiễn về phương pháp dạy học âm nhạc.

\* **Kỹ năng:**

- Sinh viên có đầy đủ năng lực về chuyên môn và nghiệp vụ để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn dạy học âm nhạc phổ thông.

- Có năng lực tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới của xã hội.

- Có năng lực tổ chức và dàn dựng các chương trình văn nghệ trong nhà trường và ngoài xã hội.

\* **Thái độ:**

- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong xã hội mới đó là: yêu nghề - yêu người - có tri thức - đạo đức.

III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		
IV	Chương trình đào tạo	Chương trình GD Mầm non	



	mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình GD Tiểu học</li> <li>- Chương trình SP Tiếng Anh</li> <li>- Chương trình SP Ngữ văn (Văn - GDCD).</li> <li>- Chương trình Lịch sử - Địa lý</li> <li>- Chương trình SP Âm nhạc</li> </ul>		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Ngành GD Mầm non:</b> Có thể học nâng cao ở trình độ Đại học ngành Giáo dục Mầm non</li> <li>2. <b>Ngành GD Tiểu học:</b> Có thể học lên trình độ Đại học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.</li> <li>3. <b>Ngành SP Tiếng Anh:</b> Có thể học lên trình độ Đại học chuyên ngành SP Tiếng Anh.</li> <li>4. <b>Ngành SP Ngữ văn (Văn-GDCD):</b> Có thể học lên trình độ Đại học chuyên ngành SP Ngữ văn, GD công dân</li> <li>5. <b>Ngành SP Lịch sử - Địa lý:</b> Có thể học lên trình độ Đại học ngành Sư phạm Lịch sử hoặc Sư phạm Địa lí.</li> <li>6. <b>Ngành SP Âm nhạc:</b> Có thể học lên trình độ Đại học ngành Sư phạm Âm nhạc.</li> </ol>		
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Ngành GD Mầm non:</b> Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực, phẩm chất để làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non.</li> <li>2. <b>Ngành GD Tiểu học:</b> Trở thành giáo viên tiểu học hạng III ở các trường Tiểu học, làm GV chủ nhiệm lớp và tổ chức hoạt động Đội và Sao Nhi đồng.</li> <li>3. <b>Ngành SP Tiếng Anh</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng dạy Tiếng Anh ở trường THCS và Tiểu học trong hệ thống giáo dục Việt Nam;</li> <li>- Có thể làm các công việc khác như: Giảng dạy Tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ, tổ chức các hoạt động ngoại khoá, làm các công tác xã hội, công tác chủ nhiệm lớp, hướng dẫn viên du lịch hoặc làm biên dịch, phiên dịch cho các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội và các cơ sở sản xuất, kinh doanh của Việt Nam hoặc nước ngoài.</li> </ul> </li> <li>4. <b>Ngành SP Ngữ văn (Văn-GDCD):</b> Người học có đủ năng lực, phẩm chất để dạy học môn Ngữ văn và môn Giáo dục công dân; làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục... đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm của người giáo viên THCS.</li> <li>5. <b>Ngành SP Lịch sử - Địa lý:</b> Người học có đủ</li> </ol>		

năng lực, phẩm chất để dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở THCS; làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục, các hoạt động TNST... đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm của người giáo viên THCS.

**6. Ngành SP Âm nhạc:** Người tốt nghiệp chương trình Sư phạm Âm nhạc có đủ năng lực và phẩm chất để dạy học môn âm nhạc trong trường phổ thông. Người ra, họ có khả năng tổ chức dàn dựng các chương trình văn nghệ trong nhà trường và ngoài xã hội.

Nam Định, ngày 2 tháng 6 năm 2022

Hiệu trưởng



*Trần Ngọc Hiền*  
Trần Ngọc Hiền

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của trường năm học 2021-2022**

**A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	VLVH	Chính quy	VLVH (liên thông)	Chính quy	VLVH
1	Khối ngành I					186	194	18	

**B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường**

STT	Khối ngành	Số SV tốt nghiệp (Chính quy)	Phân loại tốt nghiệp					Tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm ra trường/ tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm ra trường/ tổng số SV tốt nghiệp
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	TBK	TB		
1	Khối ngành I	104	10	39	49	5	1	95,81	95,81

**C. Công khai các môn học của từng khóa học**

*Ngành Giáo dục Mầm non - K42*

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
1	Tiếng Việt thực hành	Thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học	2	HK 1	Tự luận
2	Âm nhạc		2		Tự luận
3	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1		2		Tự luận
4	Tin học		2		Vấn đáp-TH
5	Tâm lý học mầm non 1		3		Tự luận
6	Môi trường và GD môi trường cho trẻ MN		2		Tự luận
7	Toán cơ sở		2		Tự luận
8	Mỹ thuật		2	Tự luận	
9	Sự phát triển thể chất trẻ em mầm non		2	Tự luận	
10	Văn học dân gian và văn học trẻ em		2	HK 2	Tự luận
11	Những NLCB của CN Mác - Lênin 2		3		Tự luận
12	Tiếng Anh 1		2		Tự luận
13	Tâm lý học mầm non 2		3		Tự luận
14	Giáo dục học mầm non 1		2		Tự luận
15	Nghề giáo viên mầm non		2		Tự luận
16	Kiến tập sư phạm		1		Tự luận
17	Vệ sinh - Dinh dưỡng		3	Tự luận	

18	PP làm quen với Toán		3	HK 3	Tự luận	
19	Công tác Quốc phòng-An ninh		2		Trường QS tinh giảng dạy	
20	Đường lối quân sự của Đảng		3			
21	Quân sự chung (thực hành)		3		Tự luận	
22	Phương pháp giáo dục thể chất		3		Tự luận	
23	Múa và phương pháp dạy múa		2		Tự luận	
24	Tổ chức hoạt động vui chơi		2		Tự luận	
25	Tiếng Anh 2		2		Tự luận	
26	Giáo dục thể chất		2		Tự luận	
27	Giáo dục học mầm non 2		3		Tự luận	
28	Phương pháp phát triển ngôn ngữ		3		Tự luận	
29	Phương pháp làm quen với Văn học		3		HK 4	Tự luận
30	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	Tự luận		
31	Tiếng Anh 3		3	Tự luận		
32	Giáo dục hòa nhập		2	Tự luận		
33	Đo lường và đánh giá trong GD mầm non		2	Tự luận		
34	Thực tập sư phạm I		2	Thực hành		
35	Quản lý giáo dục mầm non		1	Tự luận		
36	Tổ chức hoạt động tạo hình		2	Tự luận		
37	Tổ chức hoạt động âm nhạc		2	Tự luận		
38	PP khám phá KH về môi trường XQ		3	Tự luận		
39	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam		3	HK5		Tự luận
40	Giáo dục gia đình		2			Tự luận
41	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ		3		Tự luận	
42	CT và tổ chức thực hiện CT GDMN		3		Tự luận	
43	KN tổ chức các ngày lễ hội ở trường MN		2		Tự luận	
44	GD dinh dưỡng và vệ sinh AT thực phẩm		2		Tự luận	
45	QLHCNN & ngành GDĐT		2	HK 6	Tự luận	
46	Giáo dục pháp luật		1		Tự luận	
47	Rèn nghiệp vụ mầm non		3		Thực hành	
48	Thực tập sư phạm II		4		Thực hành	
49	KT làm đồ dùng, đồ chơi ở trường MN		2		Thực hành	
50	Khóa luận cuối khóa		5		Tự luận	
51	Ứng dụng CNTT vào dạy học ở MN		3		Thực hành	
<b>Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-An ninh)</b>			<b>107</b>			

Ngành Giáo dục Mầm non - K43

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
-----	-------------	----------	------------	----------------------	----------------

1	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1	Thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học	2	HK 1	Tự luận
2	Tiếng Anh 1		3		Tự luận
3	Tin học		2		Vấn đáp-TH
4	Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành		2		Tự luận
5	Âm nhạc		2		Tự luận
6	Mỹ thuật		2		Tự luận
7	Tâm lý học mầm non 1		2		Tự luận
8	Sự phát triển thể chất trẻ em mầm non		2		Tự luận
9	Những NLCB của CN Mác - Lênin 2		3		Tự luận
10	Tiếng Anh 2		2	Tự luận	
11	Giáo dục pháp luật		1	Tự luận	
12	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm		2	Tự luận	
13	Tâm lý học mầm non 2		3	Tự luận	
14	Giáo dục học mầm non 1		3	Tự luận	
15	Kiến tập sư phạm		1	Tự luận	
16	Tổ chức hoạt động tạo hình		2	Tự luận	
17	Phương pháp phát triển ngôn ngữ		3	Tự luận	
18	Công tác Quốc phòng-An ninh		2	Trường QS tỉnh giảng dạy	
19	Đường lối quân sự của Đảng		3		
20	Quân sự chung (thực hành)		3		
21	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
22	Giáo dục thể chất		2		
23	Giáo dục học mầm non 2		3		
24	Tổ chức hoạt động âm nhạc		2		
25	Phương pháp làm quen với Văn học		3		
26	PP khám phá KH về môi trường XQ		3		
27	Phương pháp giáo dục thể chất		3		
28	Vệ sinh - Dinh dưỡng		3	Tự luận	
29	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam		3	Tự luận	
30	Giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non		2	Tự luận	
31	Thực tập sư phạm I		2	Thực hành	
32	Tổ chức hoạt động vui chơi		2	Tự luận	
33	PP làm quen với Toán		3	Tự luận	
34	Múa và phương pháp dạy múa		2	Tự luận	
35	QLHCNN & ngành GDDT		2	Tự luận	
36	Giáo dục hòa nhập		2	Tự luận	
37	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ		3	Tự luận	
38	KT làm đồ dùng, đồ chơi ở trường MN		2	Thực hành	
39	KN tổ chức các ngày lễ hội ở trường MN		2	Tự luận	
40	Rèn nghiệp vụ mầm non		3	Thực hành	
41	Thực tập sư phạm II		4	Thực hành	
42	Khóa luận cuối khóa		5	Tự luận	
<b>Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-An ninh)</b>			<b>95</b>		

Ngành Giáo dục Tiểu học

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số tín	Lịch trình	PP đánh giá
-----	-------------	----------	--------	------------	-------------

			chỉ	giảng dạy	SV
1	Tiếng Việt 1	Thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học	3	HK 1	Tự luận
2	Tâm lý học ở tiểu học 1		2		Tự luận
3	Sinh lí học sinh tiểu học		1		Tự luận
4	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1		2		Tự luận
5	Tin học		2		Vấn đáp-TH
6	Giáo dục học tiểu học 1		2		Tự luận
7	Văn học		3		Tự luận
8	Tiếng Việt thực hành		2		Tự luận
9	Cơ sở lí thuyết tập hợp và lôgic Toán		2		Tự luận
10	Tâm lý học tiểu học 2		2		HK2
11	Đại cương về PPDH và đánh giá ở TH		3	Tự luận	
12	Những NLCB của CN Mác - Lênin 2		3	Tự luận	
13	Tiếng Anh 1		2	Tự luận	
14	Công tác Đội TNTP HCM-Tiểu học		2	Tự luận	
15	Tiếng Việt 2		2	Tự luận	
16	Các tập hợp số		3	Tự luận	
17	Công tác quốc phòng, an ninh		3	Trường QS tỉnh giảng dạy	
18	Đường lối quân sự của Đảng				
19	Quân sự chung (thực hành)				
20	Tiếng Anh 2				
21	Giáo dục thể chất				
22	Giáo dục học tiểu học 2				
23	Phương pháp DH Tiếng Việt ở Tiểu học 1				
24	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1				
25	PTKTDH và UD CNTT ở tiểu học				
26	Cơ sở TN - XH và GDMT ở Tiểu học				
27	Nhập môn lý thuyết XSTK		2	HK 3	Tự luận
28	PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học 2		2		Vấn đáp
29	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		Tự luận
30	Tiếng Anh 3		3		Tự luận
31	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2		2		Vấn đáp
32	PPDH Tự nhiên - Xã hội ở TH (I)		4		Vấn đáp
33	Thực tập sư phạm 1 (3 tuần)		2		Thực hành
34	Tổ chức HĐ trải nghiệm sáng tạo		2		Vấn đáp
35	PPDH Thể dục cho HS tiểu học		2		Tự luận
36	Âm nhạc và GD âm nhạc trong trường TH		2		Tự luận
37	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam		3	HK4	Tự luận
38	Đạo đức, lối sống và PP giáo lối sống ở TH		3		Vấn đáp
39	Phát triển kĩ năng giải toán cho HSTH		2		Tự luận
40	Kĩ thuật và PPDH Kĩ thuật ở Tiểu học		3		Tự luận
41	Mĩ thuật và GD kĩ thuật trong trường TH		2		HK5
			HK6		

42	Tiếng Việt và PPDH Tiếng Việt chuyên sâu	3	Tự luận
43	QLHCNN & ngành GDĐT	2	Tự luận
44	Giáo dục pháp luật	1	Tự luận
45	Rèn luyện NVSP thường xuyên	0	Tự luận
46	Rèn nghiệp vụ sư phạm tiểu học	3	Thực hành
47	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	4	Thực hành
48	Các chuyên đề đổi mới trong GDTH	2	Tự luận
49	Khóa luận cuối khóa	5	Tự luận
50	Số học và dạy học số ở Tiểu học	2	Tự luận
51	Thực hành nghề	2	Thực hành
<b>Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)</b>		<b>106</b>	

*Ngành Sư phạm Tiếng Anh*

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
1	Tâm lý học 1	Thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học	2	HK 1	Tự luận
2	Giáo dục học 1		2		Tự luận
3	Luyện âm		2		Tự luận
4	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1		2		Tự luận
5	Kỹ năng nói 1		2		Vấn đáp
6	Kỹ năng nghe 1		3		Vấn đáp
7	Kỹ năng đọc 1		2		Tự luận
8	Kỹ năng viết 1		3		Tự luận
9	Đại cương về PPDH và đánh giá ở THCS		2	HK 2	Tự luận
10	Tâm lý học 2		2		Tự luận
11	Giáo dục học 2		2		Tự luận
12	Những NLCB của CN Mác - Lênin 2		3		Tự luận
13	Kỹ năng nói 2		3		Vấn đáp
14	Kỹ năng nghe 2		3		Vấn đáp
15	Kỹ năng đọc 2		2		Tự luận
16	Kỹ năng viết 2		2		Tự luận
17	Phương pháp dạy học tiếng Anh 1		3	HK 3	Tự luận
18	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo		2		Tự luận
19	Công tác quốc phòng, an ninh		2		Trường QS tỉnh giảng dạy
20	Đường lối quân sự của Đảng		3		
21	Quân sự chung (thực hành)		3		Tự luận
22	Công tác Đội TNTPHCM		1		Tự luận
23	Tiếng Trung 1		2		Tự luận
24	Giáo dục thể chất		2		Tự luận
25	Tin học		2		Vấn đáp
26	Kỹ năng nói 3		3		Vấn đáp

27	Kỹ năng nghe 3		2		Vấn đáp
28	Kỹ năng đọc 3		2		Tự luận
29	Kỹ năng viết 3		3		Tự luận
30	Tiếng Trung 2		2		Tự luận
31	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		Tự luận
32	Thực tập sư phạm 1 (3 tuần)		2		Thực hành
33	Kỹ năng nói 4		2	HK 4	Vấn đáp
34	Kỹ năng nghe 4		2		Tự luận
35	Kỹ năng đọc 4		2		Tự luận
36	Kỹ năng viết 4		3		Tự luận
37	Phương pháp dạy học tiếng Anh 2		4		Tự luận
38	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2		Tự luận
39	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam		3	HK 5	Tự luận
40	Ngữ pháp Tiếng Anh		3		Tự luận
41	Ngữ âm học		2		Tự luận
42	Từ vựng học		2		Tự luận
43	Phương pháp dạy học Tiếng Anh cho trẻ em		3		Tự luận
44	Ứng dụng CNTT trong dạy học Tiếng Anh		2		Thực hành
45	Rèn nghiệp vụ sư phạm		3		Thực hành
46	QLHCNN & ngành GDĐT		2		Tự luận
47	Giáo dục pháp luật		1	HK 6	Tự luận
48	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)		4		Thực hành
49	Thực hành dịch		2		Thực hành
50	Đất nước học Mỹ		2		Tự luận
51	Khóa luận cuối khóa		5		Tự luận
<b>Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-An ninh)</b>			<b>107</b>		

*Ngành Sư phạm Ngữ văn (Văn - GDĐT)*

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
1	Tâm lý học 1	Thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học	2	HK 1	Tự luận
2	Giáo dục học 1		2		Tự luận
3	Lí luận văn học		3		Tự luận
4	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1		2		Tự luận
5	Tin học		2		Vấn đáp-TH
6	Đại cương tiếng Việt		1		Tự luận
7	Tiếng Việt thực hành		1		Tự luận
8	Nhập môn Giáo dục công dân		1		Tự luận
9	Pháp luật		4		Tự luận



10	Ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa TV	2		Tự luận
11	Văn học dân gian Việt Nam	2		Tự luận
12	Tâm lý học 2	2		Tự luận
13	Giáo dục học 2	2		Tự luận
14	Những NLCB của CN Mác - Lênin 2	3	HK 2	Tự luận
15	Tiếng Anh 1	2		Tự luận
16	Đại cương về PPDH và đánh giá ở THCS	2		Tự luận
17	Văn học Việt Nam trung đại	3		Tự luận
18	Những vấn đề của thời đại	2		Tự luận
19	Công tác quốc phòng, an ninh	2		Trường QS tỉnh giảng dạy
20	Đường lối quân sự của Đảng	3		
21	Quân sự chung (thực hành)	3		
22	Công tác Đội TNTPHCM	1		Tự luận
23	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	2		Tự luận
24	PPDH Ngữ văn 1	2	HK 3	Vấn đáp-TH
25	Văn học Việt Nam hiện đại 1	2		Tự luận
26	Giáo dục đạo đức	4		Tự luận
27	Ngữ pháp tiếng Việt	2		Tự luận
28	Văn bản tiếng Việt	2		Tự luận
29	Tiếng Anh 2	2		Tự luận
30	Giáo dục thể chất	2		Tự luận
31	PPDH Ngữ văn 2	2		Vấn đáp
32	Làm văn	2		Tự luận
33	Văn học Việt Nam hiện đại 2	2		Tự luận
34	Văn học thế giới 1	2	HK 4	Tự luận
35	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tự luận
36	Thực tập sư phạm 1 (3 tuần)	2		Thực hành
37	Hán Nôm	3		Tự luận
38	Đổi mới DH và KTGD môn NV ở THCS	1		Vấn đáp
39	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3		Tự luận
40	PPDH Giáo dục công dân	3		Tự luận
41	Phong cách học tiếng Việt	2		Tự luận
42	Văn học thế giới 2	2	HK 5	Tự luận
43	Giáo dục văn hóa	2		Tự luận
44	Giáo dục gia đình	1		Tự luận
45	Nghiên cứu thực tế giáo dục	1		Tự luận
46	Giáo dục qua di sản	1		Tự luận
47	Giáo dục môi trường	1		Tự luận
48	Rèn nghiệp vụ sư phạm	3		Thực hành
49	QLHCNN & ngành GDĐT	2	HK 6	Tự luận
50	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	4		Thực hành
51	Ngữ dụng học	2		Tự luận

52	Độc văn		1		Tự luận
53	Văn học địa phương		1		Tự luận
54	Giáo dục thẩm mỹ		2		Tự luận
55	Khóa luận cuối khóa		5		Tự luận
56	Một số chuyên đề Văn học Việt Nam		3		Tự luận
57	Một số chuyên đề GDCD		2		Tự luận
<b>Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-An ninh)</b>			<b>107</b>		

*Ngành Sư phạm Âm nhạc*

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
1	Tâm lý học 1	Thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học	2	HK 1	Tự luận
2	Giáo dục học 1		2		Tự luận
3	Những NLCB của CN Mác - Lênin 1		2		Tự luận
4	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2		Tự luận
5	Nhập môn logic		1		Tự luận
6	Đại cương mỹ học		1		Tự luận
7	Lý thuyết Âm nhạc 1		2		Tự luận
8	Độc - ghi nhạc 1		2		Thực hành
9	Lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam 1		2		Tự luận
10	Hát 1		3	HK 2	Thực hành
11	Đại cương về PPDH và đánh giá ở THCS		2		Tự luận
12	Tin học		2		Vấn đáp
13	Tâm lý học 2		2		Tự luận
14	Giáo dục học 2		2		Tự luận
15	Những NLCB của CN Mác - Lênin 2		3		Tự luận
16	Tiếng Anh 1		2		Tự luận
17	Lý thuyết Âm nhạc 2		2		Tự luận
18	Độc - ghi nhạc 2		2		Thực hành
19	Nhạc cụ 1		2		Thực hành
20	Tính năng nhạc cụ		2	HK 3	Tự luận
21	Tiếng Anh 2		2		Tự luận
22	Giáo dục thể chất		2		Thực hành
23	Công tác quốc phòng, an ninh		2		Trường QS tỉnh giảng dạy
24	Đường lối quân sự của Đảng		3		
25	Quân sự chung (thực hành)		3		
26	Lý luận dạy học THCS		2		
27	Lý luận giáo dục THCS		3		Tự luận
28	Độc - ghi nhạc 3		2		Thực hành
29	Hoà âm ứng dụng và phối bè 1		2		Tự luận

30	Hình thức và thể loại Âm nhạc 1		2		Tự luận
31	Phương pháp dạy học Âm nhạc 1		2		Tự luận
32	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	HK 4	Tự luận
33	Tiếng Anh 3		3		Tự luận
34	Thực tập sư phạm 1 (3 tuần)		2		Thực hành
35	Đọc - ghi nhạc 4		2		Thực hành
36	Hát 2		2		Thực hành
37	Nhạc cụ 2		2		Thực hành
38	Phương pháp dạy học Âm nhạc 2		3		Tự luận
39	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam		3	HK 5	Tự luận
40	Thường thức mỹ thuật		1		Tự luận
41	Đọc - ghi nhạc 5		2		Thực hành
42	Dân ca và âm nhạc cổ truyền		3		Tự luận
43	Đệm đàn		2		Thực hành
44	Múa		2		Thực hành
45	PP dàn dựng CT âm nhạc tổng hợp		2		Tự luận
46	Khiêu vũ		2	HK 6	Thực hành
47	Giáo dục pháp luật		1		Tự luận
48	QLHCNN & QL ngành GDĐT		1		Tự luận
49	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)		4		Thực hành
50	Lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam 2		2		Tự luận
51	Chỉ huy dàn dựng và hát tập thể		3		Thực hành
52	Thực hành sư phạm		3		Thực hành
53	Kiến thức âm nhạc tổng hợp và PP dạy học		2		Tự luận
54	Thực hành đàn và đệm hát		3		Thực hành
55	Khóa luận cuối khóa		5	Tự luận	
<b>Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-An ninh)</b>			<b>109</b>		

**Ngành SP Lịch sử (Lịch sử - Địa lý)**

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số TC	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 1	Thể hiện trong ĐC chi tiết các học phần	2	HK 1	Tự luận
2	Tin học		2		Thực hành
3	Tâm lý học 1		2		Tự luận
4	Giáo dục học 1		2		Tự luận
5	Rèn nghiệp vụ sư phạm		1		Thực hành
6	Nhập môn sử học		1		Tự luận
7	Lịch sử thế giới cổ - trung đại		2		Tự luận
8	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại		2		Tự luận

9	Bản đồ học	2		Tự luận
10	Địa lí tự nhiên đại cương	3		Tự luận
11	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 2	3	HK 2	Tự luận
12	Tiếng Anh 1	2		Thực hành
13	Giáo dục thể chất	1		Tự luận
14	Tâm lí học 2	2		Tự luận
15	Giáo dục học	2		Tự luận
16	Công tác đội TNTPHCM	1		Tự luận
17	Đại cương về PPDH và đánh giá ở THCS	2		Tự luận
18	Lịch sử thế giới cận đại	2		Tự luận
19	Lịch sử Việt Nam cận đại	2		Tự luận
20	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3		Tự luận
21	Tiếng Anh 2	2		Tự luận
22	Giáo dục thể chất	1		Thực hành
23	Đường lối quân sự của Đảng	3		Trường QS giảng dạy
24	Công tác quốc phòng, an ninh	2		
25	Quân sự chung (thực hành)	3		
26	Rèn nghiệp vụ sư phạm	1	Thực hành	
27	PPDH Lịch sử và Địa lí 1	3	HK 3	Tự luận
28	Lịch sử thế giới hiện đại	2		Tự luận
29	Lịch sử Việt Nam hiện đại	3		Tự luận
30	Địa lí các châu	3		Tự luận
31	Thực địa 1	1		Viết Báo cáo
32	Tiếng Việt thực hành	2		Tự luận
33	Đại cương mỹ học	2		Tự luận
34	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tự luận
35	Tiếng Anh 3	3		Tự luận
36	PPDH Lịch sử và Địa lí 2	3		Tự luận
37	Địa lí tự nhiên Việt Nam	3	HK 4	Tự luận
38	Giáo dục môi trường	1		Tự luận
39	Thực tập sư phạm 1	2		Thực hành
40	Đường lối CM của ĐCS VN	3	HK 5	Tự luận
41	Giáo dục Pháp luật	1		Tự luận
42	Rèn nghiệp vụ sư phạm	1		Thực hành

43	Hoạt động trải nghiệm	3		Tự luận
44	Quan hệ quốc tế từ CT thế giới I đến nay	2		Tự luận
45	Giáo dục qua di sản	1		Tự luận
46	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	2		Tự luận
47	Thực địa 2	1		Viết Báo cáo
48	Lịch sử và Địa lí địa phương	2		Tự luận
49	Văn hóa, văn học và ngôn ngữ địa phương	2		Tự luận
50	Quản lí HCNN và quản lí ngành GD và ĐT	2	HK 6	Tự luận
51	VN trong xu thế toàn cầu hóa và KV hóa	2		Tự luận
52	Một số chủ đề tích hợp	4		Tự luận
53	Thực tập sư phạm 2	4		Thực hành
54	Một số chuyên đề Lịch sử	3		Tự luận
55	Một số chuyên đề dạy học Địa lí	2		Tự luận
<b>Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-An ninh)</b>		105		

*Ngành Giáo dục Mầm non liên thông (chính quy, VLVH)*

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
1	Những NL cơ bản của CN Mác - Lênin	Thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học	3	HK 1	Tự luận
2	Tiếng Anh		2		Tự luận
3	Giáo dục thể chất (60t)		2		Tự luận
4	Tiếng Việt thực hành		3		Tự luận
5	Sự học và phát triển tâm lí trẻ em tuổi MN		2		Thực hành
6	Nghề giáo viên MN		2		Tự luận
7	Múa và phương pháp dàn dựng.		2		Tự luận
8	PT và tổ chức thực hiện CT GDMN		3	Tự luận	
9	Văn học		2	Thực hành	
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	Tự luận	
11	Giáo dục quốc phòng, an ninh		6	HK 2	Trường QS giảng dạy
12	Môi trường và con người		2		Tự luận
13	Giáo dục hoà nhập		2		Tự luận
14	Tạo hình và tổ chức hoạt động tạo hình.		2		Tự luận
15	Toán và PP cho trẻ làm quen với Toán		3		Tự luận
16	Ứng dụng công nghệ thông tin vào DH ở MN		3		Thực hành
17	Đường lối CM của ĐCSVN		2		HK 3
18	Mĩ học đại cương		2	Tự luận	

19	Giáo dục gia đình	2		Tự luận
20	Quản lí trong GDMN	2		Tự luận
21	Thực tập sư phạm	2		Thực hành
22	Tiếp cận trọn vẹn trong phát triển ngôn ngữ	2		Tự luận
<b>Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-An ninh)</b>		<b>45</b>		

*Ngành Trung cấp Sư phạm Mầm non chính quy hệ 2 năm*

STT	Tên môn học	Mục tiêu	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
1	Âm nhạc và múa	Thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học	4	HK 1	Tự luận
2	Mỹ thuật		4		Tự luận
3	PP phát triển ngôn ngữ		4		Tự luận
4	Ngoại ngữ 1		3		Tự luận
5	Công tác quốc phòng, an ninh		3		Thực hành
6	Tâm lý học đại cương		3		Tự luận
7	Sự phát triển thể chất trẻ em MN		3		Tự luận
8	PP làm quen với toán		3		Tự luận
9	Chiến thuật và KT bắn súng tiểu liên AK		2	HK 2	Thực hành
10	Sự học và sự PT tâm lý TE MN		2		Tự luận
11	Tin học		4		Vấn đáp-TH
12	Ngoại ngữ 2		3		Tự luận
13	Giáo dục học đại cương		3		Tự luận
14	Tổ chức hoạt động tạo hình		3		Tự luận
15	PP làm quen với tác phẩm VH		3		Tự luận
16	Vệ sinh dinh dưỡng		3		Tự luận
17	Thực hành sư phạm 1		3		Thực hành
18	Chương trình giáo dục mầm non		3		Tự luận
19	Giáo dục chính trị		5	HK 3	Vấn đáp
20	Giáo dục học MN		4		Tự luận
21	Tổ chức hoạt động vui chơi		3		Tự luận
22	Tổ chức hoạt động âm nhạc		3		Tự luận
23	PP khám phá MT xung quanh		4		Tự luận
24	PP giáo dục thể chất		3		Tự luận
25	Phòng bệnh và ĐBAT cho trẻ		3		Tự luận
26	Thực tập sư phạm (4 tuần)		4		Thực hành
27	Thực tập cuối khóa (8 tuần)		3	HK 4	Thực hành
28	Thể dục thể thao		2		Tự luận
29	Thực hành sư phạm 2		3		Tự luận
30	Giáo dục pháp luật		2		Tự luận
31	Quản lý hành chính nhà nước		3		Tự luận
32	Đánh giá trong giáo dục mầm non		2		Tự luận

Tổng số đơn vị học trình toàn khóa (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-An ninh)	97		
--	----	--	--

**D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở tổ chức biên soạn**

Năm học 2021 – 2022, nhà trường đã tổ chức biên soạn 2 tài liệu giảng dạy cho sinh viên mầm non (áp dụng từ K43); 7 tài liệu bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non (theo thông tư 12 của Bộ Giáo dục và Đào tạo); 3 tài liệu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý mầm non theo nhu cầu của địa phương và các nhà trường. Tập thể giảng viên trong nhà trường đã xuất bản 5 sách tham khảo phục vụ cho giảng dạy, đào tạo trong và ngoài trường.

**E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

STT	Họ và tên	Lớp	Tên đề tài
1	Trần Thị Hải Anh	GDTH 41A	Phát triển năng lực cho học sinh lớp 4 thông qua việc thiết kế và sử dụng hệ thống bài tập bổ sung về từ phân loại theo phương thức cấu tạo trong phân môn Luyện từ và câu
2	Đào Thị Lan Anh	GDTH 41A	Phát triển kĩ năng giải toán cho HS tiểu học thông qua việc giải các bài tập về phân số
3	Phạm Thị Minh Anh	GDTH 41B	Khắc phục lỗi phát âm cho HS tiểu học huyện Trục Ninh trong dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực
4	Nguyễn Thị Lan Anh	GDTH 41B	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 2 thông qua hệ thống bài tập bổ sung trong phân môn Luyện từ và câu theo sách giáo khoa Tiếng Việt Cánh diều
5	Trần Thị Ngọc Ánh	SP Tiếng Anh	Nâng cao hứng thú và khả năng ghi nhớ từ vựng của HS lớp 7C, trường THCS Hải Hưng qua các trò chơi ngôn ngữ.
6	Mai Ngọc Ánh	SP Tiếng Anh	Nghiên cứu hoạt động trả lời câu hỏi trong dạy kĩ năng nghe Tiếng Anh cho học sinh lớp 7C trường THCS Hải Hưng
7	Đoàn Kim Chi	GDTH 41A	Chuyển các dạng toán có lời văn từ dạng toán đồ sang dạng toán vận dụng kiến thức vào thực tế trong sách Toán 2 (Sách Kết nối tri thức với cuộc sống)

8	Kim Thị Mỹ	Duyên	GDTH 41B	Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp 3 trong phân môn Luyện từ và câu thông qua một số hình thức hoạt động trải nghiệm
9	Trần Thị	Hảo	GDTH 41A	Phát triển năng lực cho học sinh lớp 4 thông qua một số biện pháp dạy học theo nhóm trong phân môn Tập đọc
10	Nguyễn Thị Thúy	Hoài	GDTH 41A	Nâng cao năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 4 thông qua việc xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập bổ sung về từ loại trong dạy học phân môn Luyện từ và câu
11	Nguyễn Thị	Hoài	GDTH 41B	Phát triển năng lực giao tiếp toán cho học sinh lớp 4
12	Đỗ Thị Thanh	Hoàn	SP Tiếng Anh	Áp dụng hoạt động đóng vai (role-play) nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của học sinh lớp 6A5, trường THCS Hoàng Văn Thụ
13	Đỗ Thị Thanh	Hồng	SP Tiếng Anh	Nghiên cứu một số trò chơi ngôn ngữ trong giờ học Tiếng Anh của học sinh lớp 6 nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ tích hợp Nghe và Nói cho học sinh theo chương trình Tiếng Anh mới
14	Mai Thị Kim	Huế	GDTH 41A	Phát triển tư duy cho học sinh lớp 5 thông qua dạy học giải các bài toán về số học
15	Lã Thị	Huế	GDTH 41B	Sử dụng phương pháp đóng vai để nâng cao hiệu quả học tập cho học sinh lớp 5 trong phân môn Kể chuyện
16	Đoàn Trang	Hường	GDTH 41B	Thiết kế và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ đề hình học lớp 5
17	Hoàng Thị Thanh	Huyền	GDTH 41B	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học yếu tố thống kê ở Tiểu học
18	Trần Thị Phương	Liên	GDTH 41B	Phát triển phẩm chất, năng lực cho HS thông qua việc vận dụng đổi mới PPDH môn Tiếng Việt lớp 5
19	Phạm Thị Diệu	Linh	GDTH 41A	Vận dụng một số phương pháp dạy học tích cực trong dạy học từ loại cho học sinh lớp 4
20	Đỗ Thùy	Linh	GDTH 41B	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 5 qua giải Toán chuyển động đều



21	Phạm Thị Luyến	GDTH 41B	Một số biện pháp phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 2 thông qua dạy học môn Tiếng Việt
22	Ngô Thị Ngọc	GDTH 41A	Một số biện pháp rèn kỹ năng đọc diễn cảm văn bản thơ cho học sinh lớp 4
23	Trịnh Thị Trà	GDTH 41B	"Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học phân môn Tập đọc lớp 3"
24	Ngô Thị Ánh	GDTH 41A	Xây dựng hệ thống bài tập dạng toán rút về đơn vị và tỉ số cho học sinh tiểu học theo định hướng phát triển năng lực
25	Trần Thị Hồng	GDTH 41B	Một số biện pháp rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thơ cho học sinh lớp 5
26	Phạm Thị Oanh	GDTH 41B	Chuyển các dạng toán có lời văn từ dạng toán đồ sách toán vận dụng kiến thức vào thực tế trong sách toán 2 (Sách Cánh diều)
27	Ngô Thị Phương	GDTH 41B	Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả viết văn với kiểu bài miêu tả con vật cho học sinh lớp 4
28	Trần Thị Hương	GDTH 41B	Rèn luyện kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2
29	Vũ Thị Như Quỳnh	GDTH 41B	Xây dựng quỹ đề trắc nghiệm khắc khách quan hỗ trợ dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 nhằm phát triển năng lực học sinh
30	Triệu Thị Phương	GDTH 41B	Khai thác phương tiện tu từ ngữ nghĩa trong các văn bản của phân môn Tập đọc lớp 3 nhằm phát triển năng lực cảm thụ văn học cho học sinh
31	Phạm Thị Thìn	GDTH 41B	Xây dựng hệ thống bài tập bổ sung về từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa theo hướng phát triển năng lực học sinh trong phân môn Luyện từ và câu lớp 5
32	Phạm Thị Anh	GDTH 41A	Trường nghĩa về thiên nhiên trong tập thơ <i>Góc sân và khoảng trời</i> của Trần Đăng Khoa
33	Trần Thị Minh	GDTH 41A	Rèn kỹ năng đọc cho học sinh lớp 1 theo định hướng phát triển năng lực trong dạy học Tập đọc (SGK Tiếng Việt Cánh Diều)

34	Phạm Thị Thủy	GDTH 41B	Một số biện pháp phát triển năng lực đọc trong phân môn Tập đọc cho học sinh lớp 2
35	Trần Huy Tuyên	GDTH 41B	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Toán lớp 3 theo CTGDPT 2018
36	Trần Thị Tuyền	SP Tiếng Anh	Nghiên cứu tổ chức hoạt động cặp- nhóm trong tiết dạy kỹ năng nói Tiếng Anh cho học sinh lớp 8 trường THCS Nam Mỹ
37	Mai Thị Yên	GDTH 41A	Phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh thông qua dạy học giải toán có lời văn lớp 4

#### H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở tổ chức

#### I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

T T	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Đối tác	Thời gian thực hiện	Tóm tắt SP
1	Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học chuyên đề “ <i>Tổng quan về khoa học quản lý và quản lý giáo dục</i> ” thuộc chương trình Bồi dưỡng CBQLGD trường CDSPND trong điều kiện dạy học trực tuyến	ThS Nguyễn T. Kim Hằng		10/2021 đến 5/2022	Cấp Khoa
2	Triển khai nội dung học phần <i>Tin học</i> nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra cho sinh viên theo chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non năm 2021 ở trường CDSP Nam Định	ThS Đỗ Văn Dư	-ThS Phạm Thị My -ThS Vũ Thị Thi	10/2021 đến 5/2022	Cấp Khoa
3	Xây dựng nội dung học phần <i>Vệ sinh – Dinh dưỡng</i> đáp ứng chuẩn đầu ra cho sinh viên ngành Giáo dục	ThS Lê Thị Lan Anh		10/2021 đến 5/2022	Cấp Khoa

	Mầm non trường CĐSP Nam Định				
4	Nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại trường CĐSP Nam Định	ThS Vũ Thị Mai		10/2021 đến 5/2022	Cấp Tổ (trực thuộc trường)
5	Nghiên cứu đề xuất một số hoạt động trải nghiệm văn hóa địa phương trong đào tạo giáo viên mầm non tại trường CĐSP Nam Định	TS Đào Thị Anh Lê	- ThS Vũ Thị Thanh Hương -ThS Phạm Thị Minh Tâm	10/2021 đến 5/2022	Cấp Khoa

### K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

Năm 2018, trường đã được trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành với tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 80%.

Nam Định, ngày 20 tháng 6 năm 2022



Trần Ngọc Hiền

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2021-2022**

**A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng**

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	28.949	28.949		
a	Trụ sở chính	28.949	28.949		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	11.912	11.912		
a	Trụ sở chính	11.912	11.912		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				

**B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu**

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	2			121			
2	Phòng thực hành...	8			640			
3	Xưởng thực tập...							
4	Nhà tập đa năng	1			951			
5	Hội trường GĐC	1			420			
6	Phòng học...	32			2780			
7	Phòng học đa phương tiện...	5			420			
8	Thư viện...	5			547			
9	Trung tâm học liệu...	5			547			
10	Các phòng chức năng khác	3			210			

**C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu**

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	01
2	Số chỗ ngồi đọc	40

3	Số máy tính của thư viện	6
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	1.149
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	0

**D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên**

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	44,5 m <sup>2</sup> /1SV
2	Diện tích sàn/sinh viên	18,3 m <sup>2</sup> /1SV

Nam Định, ngày tháng 6 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**



Trần Ngọc Hiện

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin đội ngũ giảng viên cơ hữu năm học 2021-2022**

**A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu**

T T	Nội dung	Tổng số	chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
<b>I</b>	<b>Tổng số</b>	<b>84</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>77</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>34</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Giảng viên cơ hữu theo ngành</b>											
<b>a</b>	<b>Khối ngành I</b>	<b>84</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>77</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>34</b>	<b>0</b>
	Quản lý Giáo dục	3	0	0	0	3	0	0	0	1	2	0
	Âm nhạc	3	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0
	Chính trị	7	0	0	0	7	0	0	0	0	7	0
	Địa lý	3	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0
	Tiểu học	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0
	Hóa học	6	0	0	0	6	0	0	0	6	0	0
	Mầm non	3	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0
	Mỹ thuật	4	0	0	0	4	0	0	0	4	0	0
	Lịch sử	3	0	0	0	3	0	0	0	1	2	0
	Sinh học	3	0	0	0	3	0	0	0	2	1	0
	Tâm lý	7	0	0	1	6	0	0	0	6	1	0
	Thể dục	7	0	0	0	5	2	0	0	6	1	0
	Giáo dục quốc phòng	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0
	Tin học	5	0	0	0	5	0	0	0	4	1	0

Toán học	7	0	0	0	6	1	0	0	4	3	0
Văn học	12	0	0	1	11	0	0	0	3	9	0
Vật lý	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0
Kỹ thuật công nghiệp	3	0	0	1	2	0	0	0	2	1	0
Ngoại ngữ	4	0	0	0	4	0	0	0	3	1	0

**B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
<b>Khối ngành I</b>						
1	Trần Xuân Kiều	01/5/1980		Giảng viên chính	Thsĩ	Quản lý giáo dục
2	Lê Thị Ngoãn	02/9/1982	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Quản lý giáo dục
3	Nguyễn Thị Kim Hằng	07/8/1985	1	Giảng viên	Thsĩ	Quản lý giáo dục
4	Đình Thành Công	06/02/1984		Giảng viên	Thsĩ	Âm nhạc
5	Bùi Thị Thu Hà	07/12/1980	1	Giảng viên	Thsĩ	Âm nhạc
6	Đình Thị Chung Thủy	07/9/1985	1	Giảng viên	Thsĩ	Âm nhạc
7	Ngô Thị Thục	17/9/1979	1	Giảng viên chính	Thsĩ	C.trị
8	Nguyễn Văn Long	12/4/1976		Giảng viên chính	Thsĩ	C.trị
9	Vũ Thị Mai	05/8/1985	1	Giảng viên chính	Thsĩ	C.trị
10	Vũ Thị Kim Dung	01/10/1985	1	Giảng viên chính	Thsĩ	C.trị
11	Vũ Văn Hùng	26/01/1985		Giảng viên chính	Thsĩ	C.trị
12	Lê Thị Thanh Hương	18/6/1985	1	Giảng viên chính	Thsĩ	C.trị
13	Trần Thị Tâm	22/12/1986	1	Giảng viên chính	Thsĩ	C.trị
14	Nguyễn Thị Hoài Thu	29/01/1983	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Địa
15	Vũ Thị Thanh Hương	13/12/1986	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Địa
16	Ngô Anh Tuấn	17/11/1979		Giảng viên chính	Thsĩ	Địa
17	Lê Thị Thanh Hà	17/9/1975	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Tiểu học
18	Nguyễn Thị Thu Dịu	13/6/1981	1	Giảng viên	Thsĩ	Hoá
19	Vũ Thị Thuỳ Linh	04/11/1987	1	Giảng viên	Thsĩ	Hoá
20	Đỗ Thị Hiền	24/3/1986	1	Giảng viên	Thsĩ	Hoá

21	Trần Thị Mai	09/9/1987	1	Giảng viên	Thsĩ	Hoá
22	Trần Đại An	17/7/1988		Giảng viên	Thsĩ	Hoá
23	Nguyễn Thị Hồng Nhi	18/10/1989	1	Giảng viên	Thsĩ	Hoá
24	Nguyễn Thị Hương Cúc	25/5/1983	1	Giảng viên	Thsĩ	Mầm non
25	Bùi Thị Thuý	21/9/1975	1	Giảng viên	Thsĩ	Mầm non
26	Phạm Thanh Thuý	09/7/1978	1	Giảng viên	Thsĩ	Mầm non
27	Nguyễn Minh Cường	22/8/1980		Giảng viên	Thsĩ	Mĩ thuật
28	Lưu Chí Thành	19/12/1982		Giảng viên	Thsĩ	Mĩ thuật
29	Ngô Văn Nam	18/3/1980		Giảng viên	Thsĩ	Mĩ thuật
30	Phạm Ngọc Hưng	26/10/1978		Giảng viên	Thsĩ	Mĩ thuật
31	Phạm Văn Chinh	13/10/1976		Giảng viên chính	Thsĩ	Sử
32	Nguyễn Thị Yên	08/12/1978	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Sử
33	Phùng Gia Bách	16/10/1991		Giảng viên	Thsĩ	Sử
34	Bùi Thu Hà	11/10/1974	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Sinh
35	Vũ Quốc Khánh	08/10/1979		Giảng viên	Thsĩ	Sinh
36	Lê Thị Lan Anh	19/11/1990	1	Giảng viên	Thsĩ	Sinh
37	Lã Văn Mến	21/01/1962		Giảng viên chính	T.sĩ	TLGD
38	Vũ Thị Mai	17/02/1977	1	Giảng viên	Thsĩ	TLGD
39	Mai Bích Thu	15/10/1977	1	Giảng viên	Thsĩ	TLGD
40	Vũ Thị Oanh	20/3/1986	1	Giảng viên	Thsĩ	TLGD
41	Đặng Thị Mai Hiền	31/10/1986	1	Giảng viên	Thsĩ	TLGD
42	Đặng Thị Thu Thảo	27/5/1985	1	Giảng viên	Thsĩ	TLGD
43	Tạ Thị Huệ	24/01/1989	1	Giảng viên	Thsĩ	TLGD
44	Nguyễn Đức Thắng	09/3/1978		Giảng viên	ĐH	TD
45	Đỗ Hoàng Kim	10/7/1976		Giảng viên	ĐH	TD
46	Phạm Văn Tuấn	15/3/1983		Giảng viên	Thsĩ	TD
47	Nguyễn Văn Sáng	06/7/1986		Giảng viên	Thsĩ	TD
48	Hà Thị Hồng Nhung	24/6/1986	1	Giảng viên chính	Thsĩ	TD
49	Nguyễn Ngọc Ánh	02/9/1991	1	Giảng viên	Thsĩ	TD
50	Vũ Tiến Văn	18/5/1987		Giảng viên	Thsĩ	TD
51	Bùi Văn Quang	04/5/1987		Giảng viên	Thsĩ	GDQP
52	Trần Đức Thịnh	16/5/1990		Giảng viên	Thsĩ	GDQP
53	Đỗ Văn Dư	01/7/1979		Giảng viên chính	Thsĩ	Tin
54	Nguyễn Thị Hồng	03/5/1985	1	Giảng viên	Thsĩ	Tin
55	Trần Thị Hoa	14/12/1986	1	Giảng viên	Thsĩ	Tin
56	Phạm Thị My	03/02/1987	1	Giảng viên	Thsĩ	Tin
57	Vũ Thị Thi	19/6/1990	1	Giảng viên	Thsĩ	Tin
58	Bùi Thị Thanh Thuý	18/6/1977	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Toán



59	Đỗ Minh Tuấn	14/8/1982		Giảng viên chính	Thsĩ	Toán
60	Hoàng Thanh Tùng	05/12/1979		Giảng viên	ĐH	Toán
61	Đinh Thị Loan	06/5/1987	1	Giảng viên	Thsĩ	Toán
62	Nguyễn Thị Hằng	30/11/1988	1	Giảng viên	Thsĩ	Toán
63	Hoàng Thị Hoà	19/10/1980	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Toán
64	Đặng Văn Thoại	10/8/1986		Giảng viên	Thsĩ	Toán
65	Trần Ngọc Hiền	04/09/1965		Giảng viên chính	Thsĩ	Văn
66	Trịnh Thị Quỳnh	19/9/1976	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Văn
67	Đào Thị Anh Lê	04/6/1977	1	Giảng viên chính	T.Sĩ	Văn
68	Trần Thị Tuyết Lan	22/12/1981	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Văn
69	Đặng Thuỳ An	02/7/1982	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Văn
70	Hoàng Thị Phương Loan	20/5/1986	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Văn
71	Phạm Thị Minh Tâm	06/02/1984	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Văn
72	Đặng Thị Thu Hà	16/6/1987	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Văn
73	Nguyễn Thị Lan Hương	08/01/1981	1	Giảng viên	Thsĩ	Văn
74	Trần Thị Vân	05/4/1983	1	Giảng viên chính	Thsĩ	Văn
75	Trần Thị Ban Mai	11/9/1990	1	Giảng viên	Thsĩ	Văn
76	Đào Thị Thanh Hoài	18/3/1986	1	Giảng viên	Thsĩ	Văn
77	Triệu Quỳnh Trang	14/4/1984	1	Giảng viên chính	T.Sĩ	Lý
78	Trần Minh Nguyệt	20/7/1984	1	Giảng viên	Thsĩ	KTCN
79	Nguyễn Trung Kiên	07/5/1985		Giảng viên chính	T.Sĩ	KTCN
80	Phạm Thị Nhạn	25/02/1986	1	Giảng viên	Thsĩ	KTCN
81	Trần Thị Huệ	26/3/1977	1	Giảng viên	Thsĩ	Anh
82	Hoàng Giang	10/01/1979		Giảng viên chính	Thsĩ	Anh
83	Phạm Thị Huế	17/3/1985	1	Giảng viên	Thsĩ	Anh
84	Trần Phương Thanh	30/3/1991		Giảng viên	Thsĩ	Anh
	<b>Tổng số : 84</b>		<b>57</b>			

Nam Định, ngày 20 tháng 6 năm 2022



**Trần Ngọc Hiền**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai tài chính năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/ISV/năm học	Dự kiến học phí/ISV của cả khóa học
<b>I</b>	<b>Học phí chính qui đại trà</b>			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng / năm		
	Khối ngành	Triệu đồng / năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng / năm		
	Khối ngành	Triệu đồng / năm		
3	Đại học	Triệu đồng / năm		
	Khối ngành	Triệu đồng / năm		
4	Cao đẳng	Triệu đồng / năm		
5	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng / năm	0	
6	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng / năm		
<b>II</b>	<b>Học phí chính qui chương trình khác</b>			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng / năm		
	Khối ngành	Triệu đồng / năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng / năm		
	Khối ngành	Triệu đồng / năm		
3	Đại học	Triệu đồng / năm		
	Khối ngành	Triệu đồng / năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng / năm	3,7	
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng / năm	3,5	
1	Tiến sĩ	Triệu đồng / năm		
<b>III</b>	<b>Học phí hình thức vừa làm vừa học</b>			
	Khối ngành	Triệu đồng / năm		
1	Đại học	Triệu đồng / năm		
	Khối ngành	Triệu đồng / năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng / năm	3,7	
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng / năm	3,5	
<b>IV</b>	<b>Tổng thu năm 2021</b>			
1	Từ ngân sách	Triệu đồng / năm	16.751	
2	Từ học phí	Triệu đồng / năm	0	
3	Từ NCKH và chuyển giao công nghệ	Triệu đồng / năm	0	
4	Từ nguồn khác	Triệu đồng / năm	2.211	

Nam Định, ngày 20 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

